

Số: /GCN-SXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 24/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội;

Xét Đơn đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 15/7/2025 của Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng Việt Nam BVD.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng Việt Nam BVD.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp - Công ty cổ phần (Giấy phép đầu tư) số: 0107361344 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 3 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 10 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ: thôn Bạch Nao, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội (trước đây là thôn Bạch Nao, xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội).

Điện thoại: 0988.683.336.

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thí nghiệm vật liệu và kết cấu xây dựng.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: xã Mỹ Đức, thành phố Hà Nội (trước đây là xã Phù Lưu Tế, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội).

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 24.018

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày 26/12/2023 và thay thế Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 16/GCN-SXD(GĐXD) ngày 26/12/2023./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định xây dựng Việt Nam BVD;
- Bộ Xây dựng; (để báo cáo)
- Đ/c Giám đốc Sở XD;
- Đ/c Nguyễn Thế Công - PGĐ Sở;
- Lưu: VT, P.QLKT&GDCL (Uyên,05b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Công

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 24.018**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số: /GCN-SXD, ngày tháng 7 năm 2025)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	THỬ NGHIỆM XI MĂNG, CLANKE	
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023
2	Xác định cường độ	TCVN 6016:2011
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
4	Xác định độ đông cứng sớm bằng dụng cụ Vicat	TCVN 10653:2015
5	Xác định hàm lượng bọt khí trong vữa xi măng	TCVN 8876:2012
6	Xác định khả năng giữ nước	TCVN 9202:2012
II	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU	
7	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
8	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
9	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
10	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
11	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
12	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét và hàm lượng sét cục	TCVN 7572-8:2006
13	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
14	Xác định cường độ, độ bền nén, chịu kéo khi bừa	TCVN 7572-10:2006
15	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
16	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006
17	Xác định hàm lượng hạt thô dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
18	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá, hạt nhẹ	TCVN 7572-17:2006
19	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006
20	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
21	Xác định khối lượng riêng của đá (xây dựng công trình thủy lợi) trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735:2012
22	Xác định độ ẩm, độ hút nước của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10321:2014
23	Xác định khối lượng thể tích của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10322:2014
24	Xác định độ bền cắt của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10323:2014
25	Xác định độ bền nén một trục của đá xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
26	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
27	Xác định các chỉ tiêu của cốt liệu nhẹ cho bê tông	TCVN 6221:1997
28	Xác định hệ số đương lượng cát	AASHTO T176-02
III	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG VÀ HỖN HỢP BÊ TÔNG	
29	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
30	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109: 2022

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
31	Xác định hàm lượng bột khí vữa bê tông	TCVN 3111: 2022
32	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112: 2022
33	Xác định độ hút nước	TCVN 3113: 2022
34	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
35	Xác định khối lượng thể tích của bê tông nặng	TCVN 3115:2022
36	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022
37	Xác định độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:2022
38	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
39	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
40	Xác định cường độ kéo khi bừa/chẻ	TCVN 3120:2022; TCVN 8862:2011
41	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5276:2022
42	Xác định các chỉ tiêu kỹ thuật bê tông tự lèn	TCVN 12209:2018
43	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ cấu kiện	TCVN 12252:2020
IV	THỬ NGHIỆM CÔNG, VẬT LIỆU BẰNG BÊ TÔNG VÀ ĐÁ	
44	Cống hộp: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, cường độ bê tông	TCVN 9116:2012
45	Cống tròn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, khả năng chống thấm nước, cường độ bê tông	TCVN 9113: 2012
46	Gối cống: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, thử tải	TCVN 10799:2015
47	Bó vỉa: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, thử tải	TCVN 10797:2015
V	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
48	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022
49	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
50	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
51	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
52	Xác định thời gian đông kết vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; TCVN 11971:2018
53	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
54	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; TCVN 9204:2012
55	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
56	Xác định lượng vón cục trên sàng	TCVN 11971:2018
57	Xác định độ chảy và độ chảy lan tỏa	TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018
58	Xác định độ tách nước và thay đổi thể tích	TCVN 9204:2012; TCVN 11971:2018
VI	THỬ NGHIỆM GẠCH ĐẤT SÉT NUNG	
59	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
60	Xác định cường độ nén	TCVN 6355-2:2009
61	Xác định cường độ uốn	TCVN 6355-3:2009
62	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
63	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
64	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
65	Xác định độ tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
66	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009
VII	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG	
67	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ bền nén, Xác định độ hút nước, Xác định độ rỗng, Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016
VIII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHẹ	
68	Kiểm tra khuyết tật ngoại quan, Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt, Xác định cường độ nén, Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017
IX	THỬ NGHIỆM GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
69	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan, Xác định cường độ nén, Xác định độ hút nước, Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
X	THỬ NGHIỆM GẠCH TERAZO	
70	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, Xác định độ hút nước, Xác định độ chịu mài mòn, Xác định độ bền uốn	TCVN 7744:2013
XI	THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN	
71	Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, Xác định độ mài mòn, Xác định độ hút nước, Xác định độ chịu lực va đập xung kích, Xác định tải trọng uốn gãy toàn viên, Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
XII	THỬ NGHIỆM GẠCH LÁT GRANITO	
72	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan, Xác định độ mài mòn lớp mặt và độ chịu lực xung kích, Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995
XIII	THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT	
73	Kiểm tra kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
74	Xác định độ hút nước	TCVN 6415-3:2016
75	Xác định độ bền uốn	TCVN 6415-4:2016
76	Xác định độ chịu mài mòn sâu	TCVN 6415-6:2016
77	Xác định độ chịu mài mòn bề mặt	TCVN 6415-7:2016
78	Xác định độ bền sốc nhiệt	TCVN 6415-9:2016
79	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016
XIV	THỬ NGHIỆM ĐÁ TỰ NHIÊN, ĐÁ ỐP LÁT NHÂN TẠO	
80	Đá tự nhiên: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, mài mòn bề mặt	TCVN 4732:2016
81	Đá nhân tạo: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, mài mòn sâu, độ cứng vạch bề mặt tính theo thang Mohs	TCVN 8057:2009
XV	THỬ NGHIỆM ĐẤT, VẬT LIỆU ĐẮP	
82	Xác định khối lượng riêng của đất	TCVN 4195:12;
83	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm của đất	TCVN 4196:2012
84	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy của đất	TCVN 4197:2012

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
85	Xác định thành phần hạt của đất	TCVN 4198:2014
86	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm	TCVN 4201:12, 22TCN333:06; TCVN 12790:2020
87	Xác định khối lượng thể tích của đất	TCVN 4202:2012
88	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012
89	Thí nghiệm đầm nén proctor đất, đá dăm	TCVN 12790:2020
90	Xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm	TCVN 12792:2020; 22TCN 332- 06
91	Xác định các đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
92	Xác định các đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
93	Xác định các đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012
94	Xác định các đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012
95	Gia cố nền đất yếu bằng phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012
XVI	THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG	
96	Xác định cường độ nén bê tông sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012
97	Xác định cường độ nén bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012
98	Kiểm tra đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 13537:2022
99	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích của kết cấu nền đắp tại hiện trường	22TCN 02-71; 22TCN 346-06; TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; TCVN 12791:2020;
100	Xác định độ bằng phẳng bề mặt các lớp kết cấu đường bằng thước dài 3m	TCVN 8864:2011
101	Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
102	Xác định mô đun biến dạng của đất tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012;
103	Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2011
104	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
105	Xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
106	Thử nghiệm cọc tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
107	Xác định cường độ kéo nhỏ vật liệu	TCVN 9490:2012
108	Kiểm tra tiếp địa, chống sét	TCVN 9385:2012
109	Thử áp lực đường ống	TCVN 7972:2008
XVII	THỬ NGHIỆM KIM LOẠI, MỎI HÀN	
110	Thử kéo, nén, uốn, uốn lại kim loại	TCVN 197-1:2014; TCVN 198:2008; TCVN 7937-1,2,3:2013;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		TCVN 6287:1997; TCVN 314:2008; TCVN 1830:2008
111	Mối hàn kim loại: Thử kéo, thử uốn	TCVN 5401:10; TCVN 5403:10; TCVN 8310:10; TCVN 8311:10
112	Mối hàn kim loại: Thử uốn	TCVN 5402:10
113	Kiểm tra không phá hủy mối hàn bằng PP siêu âm	TCVN 1548:87; TCVN 6735:00
114	Kiểm tra không phá hủy - PP thấm thấu, PP dùng bột từ	TCVN 4617:88; TCVN 4396: 86
115	Lớp phủ, mạ kim loại	TCVN 5408:07; TCVN 4392:86
116	Thử nghiệm bulong, đai ốc, ốc vít, nở sắt	TCVN 1916:95; TCVN 4795:89; TCVN 4796:89
117	Thử nghiệm mối nối bằng ống ren	TCVN 197-1:14; TCVN 8163:09
118	Nhôm và hợp kim nhôm - Tính chất cơ lý	TCVN 5839:1994
119	Thử nghiệm nắp hồ ga và song chắn rác	TCVN 10333:14
XVIII	THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN	
120	Đường kính sợi, đường kính ruột dẫn, chiều dày lớp cách điện, chiều dày vỏ bọc, điện trở ruột dẫn, điện trở cách điện, thử kéo dây	TCVN 2103:94
XIX	THỬ NGHIỆM BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG	
121	Xác định độ kim lún ở 25oC	TCVN 7495:2005
122	Xác định độ kéo dài ở 25oC	TCVN 7496:2005
123	Xác định điểm hoá mềm (Dụng cụ vòng và bi)	TCVN 7497:2005
124	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:2005
125	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:2005; TCVN 11710:2017; TCVN 11711:2017
126	Xác định độ hoà tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2005
127	Xác định khối lượng riêng (phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005
128	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005
129	Xác định nhiệt độ bắt lửa của nhựa đường lông	TCVN 8818-2:2011
130	Xác định hàm lượng nước của nhựa đường lông	TCVN 8818-3:2011
131	Thử nghiệm chung cất	TCVN 8818-4:2011
132	Xác định độ đàn hồi	TCVN 11194:2017
133	Xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN 11195:2017
XX	THỬ NGHIỆM NHỰA TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG	
134	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
135	Xác định hàm lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm bằng sàng)	TCVN 8817-4:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
136	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
137	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
138	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
139	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:2011
140	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
141	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
142	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
143	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
144	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
145	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
XXI	THỬ NGHIỆM BỘT KHOÁNG	
146	Đánh giá hình dáng bên ngoài	22 TCN 58-84
147	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020
148	Xác định lượng mất khi nung	22 TCN 58-84
149	Xác định độ ẩm, hệ số thích nước	22 TCN 58-84; TCVN 12884-2:2020
150	Xác định hàm lượng chất hòa tan trong nước	22 TCN 58-84
151	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ rỗng dư, độ ổn định, độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường	22 TCN 58-84
152	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa	22 TCN 58-84
153	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
XXII	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
154	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
155	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011
156	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011
157	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
158	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
159	Xác định độ chảy của nhựa	TCVN 8860-6:2011
160	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
161	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
162	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
163	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
164	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
165	Xác định độ ổn định còn lại	TCVN 8860-12:2011
166	Xác định độ hao mòn Cantabro	TCVN 11415:2016
167	Thử nghiệm thu hồi nhựa đường từ dung dịch sau khi chiết bằng phương pháp Abson	TCVN 11633:2017
XXIII	THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA PVC, HDPE, PPR, PE VÀ PHỤ KIỆN ỐNG	
168	Xác định kích thước, sự thay đổi theo chiều dọc	TCVN 6145: 07; TCVN 6148:07
169	Độ bền kéo, độ bền va đập, độ cứng vòng	TCVN 7434:04; TCVN 6144:03;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
		TCVN 8850:11
170	Độ bền áp suất bên trong, độ kín khít	TCVN 6149:07; TCVN 6041:96
171	Xác định thông số kích thước hình học	TCVN 6150:03; TCVN 8491:11
XXIV	THỬ NGHIỆM GỖ, VÁN GỖ	
172	Gỗ tự nhiên: Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích, độ bền uốn tĩnh, giới hạn bền nén, giới hạn bền kéo	TCVN 8048:09; TCVN 8046:09
173	Ván sợi, ván gỗ, ván MDF: Sai lệch kích thước, khối lượng, độ ẩm, độ bền uốn tĩnh, độ bền kéo vuông góc	TCVN 7753:07; TCVN 7755:07; TCVN 7756:07
XXV	THỬ NGHIỆM KÍNH XÂY DỰNG	
174	Kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 7219:18; TCVN 9808:13; TCVN 7527:05; TCVN 7528:08; TCVN 7364:04
175	Độ bền va đập, phá vỡ mẫu	TCVN 7368:13; TCVN 7455:13
XXVI	THỬ NGHIỆM PHỤ GIA, TRO BAY	
176	Phụ gia hóa học cho bê tông: Xác định độ PH, tỷ trọng, hàm lượng chất khô, hàm lượng inon clo, hàm lượng tro, khả năng giảm nước so với mẫu đối chứng, thời gian đông kết so với mẫu đối chứng, cường độ uốn, nén so với mẫu đối chứng	TCVN 8826:11
177	Tro bay: Xác định độ ẩm, lượng nước yêu cầu, hàm lượng mất khi nung, lượng lọt sàng, độ mịn	TCVN 10302:14
XXVII	THỬ NGHIỆM THẠCH CAO, KHUNG XƯƠNG, BỘT BÀ	
178	Tấm thạch cao: Xác định kích thước, độ chịu uốn, độ hút nước	TCVN 8257:09
179	Khung xương thạch cao: Xác định kích thước, độ bền kéo	ASTM C635/C635M-17; TCVN 12694:2020
180	Bột bả: Xác định độ mịn, khối lượng thể tích, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ bám dính	TCVN 7239:14
XXVIII	THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU CHỐNG THẨM, BĂNG CẢN NƯỚC	
181	Thí nghiệm vật liệu chống thấm - băng cản nước	TCVN 9407:2014
XXIX	THỬ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT	
182	Thí nghiệm vải địa kỹ thuật	TCVN 8871:2011 TCVN 9138:2012 TCVN 8482, 8483, 8484, 8485:2010

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.